

Số: **185/2021/QĐST-HNGĐ**

TP. Tuyên Quang, ngày 21 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Minh S, sinh năm 1974

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 1, phường T, thành phố T, tỉnh T. Chỗ ở: Tổ dân phố 13, phường M, thành phố T, tỉnh T.

- *Bị đơn*: Chị Ma Thị D, sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Minh S và chị Ma Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Hồng T, sinh ngày 09/7/2016 và Trần Hữu P, sinh ngày 31/10/2017 cho anh Trần Minh S trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Ma Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại anh S không yêu cầu) và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận về tài sản, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Minh S tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000997 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; trả lại cho anh Trần Minh S số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Ma Thị D không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- THADS thành phố Tuyên Quang;
- UBND phường Tân Quang;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thu Thủy